

Số: 4631 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2023

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại hàng năm ban hành kèm theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 06/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện phân tích kết quả khảo sát, điều tra và công bố kết quả đánh giá DDCI năm 2022; Triển khai đánh giá DDCI năm 2023 của thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 16/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 64/TTr-KHĐT ngày 15/12/2023.



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2023 (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có kết quả điểm số, xếp hạng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này tổ chức rà soát, phân tích, nghiên cứu sâu kết quả đánh giá từng chỉ số thành phần trong Bộ chỉ số DDCI, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện chất lượng quản trị, điều hành kinh tế của đơn vị mình, đóng góp vào việc nâng cao, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cũng như chất lượng phục vụ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của thành phố trong năm 2024.

**Điều 3.** Sở Nội vụ sử dụng kết quả DDCI 2023 là một trong các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại công chức, viên chức thuộc diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại hàng năm theo Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức thuộc diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại hàng năm ban hành kèm theo Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời sử dụng kết quả DDCI 2023 gắn với công tác thi đua, khen thưởng của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TTTU, TT HĐND TP (đề b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Bí thư các Quận ủy, Huyện ủy;
- Đài PT-TH HP, Báo HP, Công TTĐT TP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TC2. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

## PHỤ LỤC I

**Kết quả điểm số, xếp hạng năng lực cạnh tranh  
cấp Sở, ban, ngành của thành phố Hải Phòng năm 2023**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 29/12/2023  
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Đơn vị	Điểm số (Thang điểm 100)	Xếp hạng
1	Sở Văn hóa và Thể thao	80,98	1
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	79,14	2
3	Sở Tư pháp	78,25	3
4	Sở Du lịch	77,91	4
5	Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	77,39	5
6	Công an thành phố	77,04	6
7	Cục Hải quan thành phố	76,88	7
8	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng	76,86	8
9	Bảo hiểm xã hội thành phố	76,85	9
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	76,78	10
11	Sở Công Thương	76,75	11
12	Sở Tài chính	76,51	12
13	Cục Thuế thành phố	76,44	13
14	Sở Giao thông vận tải	75,91	14
15	Sở Khoa học và Công nghệ	75,84	15
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75,81	16
17	Sở Thông tin và Truyền thông	75,79	17
18	Sở Y tế	75,50	18
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	75,16	19
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	73,71	20
21	Sở Xây dựng	73,10	21



## PHỤ LỤC II

**Kết quả điểm số, xếp hạng năng lực cạnh tranh  
cấp địa phương của thành phố Hải Phòng năm 2022**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **4691/QĐ-UBND** ngày **29/12/2023**  
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Đơn vị	Điểm số (Thang điểm 100)	Xếp hạng
1	UBND quận Hồng Bàng	92,59	1
2	UBND huyện Thủy Nguyên	89,90	2
3	UBND quận Ngô Quyền	89,44	3
4	UBND quận Dương Kinh	87,29	4
5	UBND huyện Tiên Lãng	87,01	5
6	UBND huyện Cát Hải	86,69	6
7	UBND quận Đồ Sơn	80,99	7
8	UBND quận Kiến An	80,90	8
9	UBND quận Hải An	80,50	9
10	UBND huyện An Lão	80,03	10
11	UBND huyện Vĩnh Bảo	79,40	11
12	UBND quận Lê Chân	78,08	12
13	UBND huyện An Dương	77,96	13
14	UBND huyện Kiến Thụy	77,54	14